



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2015

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGUYỆN VỌNG 1 CAO ĐẲNG CHUYÊN NGHIỆP HỆ CHÍNH QUY 2015
XÉT TUYỂN THEO KẾT QUẢ KỲ THI THPT QUỐC GIA**

STT	Số HS	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	ĐT	KV	Tổng điểm thi	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Mã ngành trúng tuyển
1	13	HUI011790	TRẦN CHÂU GIA PHÚ	20/05/1997	Nam	02.01		3	14.75	0	14.75	C480201
2	24	YDS013950	LÊ NGUYỄN MINH THÔNG	30/03/1997	Nam	02.17		3	13.75	0	13.75	C480201
3	25	HUI014727	MAI QUỐC THẮNG	18/05/1997	Nam	02.22		2	14.25	0.5	14.75	C480201
4	27	QGS020858	TRẦN LÊ THIÊN TRIỀU	25/09/1997	Nam	34.03		3	14.5	0	14.5	C480201
5	28	SPK007359	NGUYỄN LÊ TRUNG MINH	09/03/1996	Nam	02.18		3	13.75	0	13.75	C480201
6	32	SGD003779	LÊ ĐỖ KHẮC HẬU	27/04/1997	Nam	02.04		3	16	0	16	C480201
7	44	SPK001106	ĐỖ THÀNH CHÂU	25/05/1997	Nam	24.03		3	14	0	14	C480201
8	46	YDS004639	HUỖNH NHÂN HÒA	18/01/1997	Nam	02.11	06	3	16.75	1	17.75	C480201
9	47	HUI013768	HÀ DUY TÂN	19/03/1996	Nam	02.21		2	14.25	0.5	14.75	C480201
10	48	YDS005074	CHÂU MINH HÙNG	20/02/1996	Nam	02.10		3	14	0	14	C480201
11	79	DBL000657	ĐẶNG HUYỀN CHĂM	02/09/1997	Nữ	60.06		1	12.5	1.5	14	C480201
12	83	TTN000147	CHÂU NGUYỄN ANH	12/12/1997	Nam	40.06		1	12.5	1.5	14	C480201
13	84	SGD015786	TRẦN VĂN TRIỂN	11/10/1997	Nam	52.06		1	12.5	1.5	14	C480201
14	85	SPK014795	NGUYỄN THÀNH TRUNG	07/11/1997	Nam	48.06		2	13.25	0.5	13.75	C480201

STT	Số HS	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	ĐT	KV	Tổng điểm thi	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Mã ngành trúng tuyển
15	88	TSN015443	HUỖNH NGỌC THỊNH	14/07/1997	Nam	41.09		1	10.5	1.5	12	C480201
16	91	TDL016758	BÙI HUỖNH QUỐC TUẦN	20/11/1997	Nam	42.10		1	11	1.5	12.5	C480201
17	97	SPK016129	NGUYỄN HỮU VŨ	01/11/1997	Nam	30.06		3	12	0	12	C480201
18	102	QGS003526	NGUYỄN HỮU DƯƠNG	26/05/1996	Nam	48.05		3	12.5	0	12.5	C480201
19	104	HUI012768	NGUYỄN THANH QUÝ	12/02/1997	Nam	02.21		2	14.5	0.5	15	C480201
20	112	TDL003308	NGUYỄN HẢI GIANG	10/01/1997	Nam	42.04		1	11.5	1.5	13	C480201
21	120	DQN024251	NGUYỄN THẾ TOÀN	03/05/1997	Nam	35.06		1	10.5	1.5	12	C480201
22	121	DCT003013	HUỖNH HỒ HẢI	06/09/1997	Nam	02.19		3	13.75	0	13.75	C480201
23	127	DTT013243	NGUYỄN MINH THIÊN	17/09/1996	Nam	47.06		2	13	0.5	13.5	C480201
24	150	YDS002175	ĐẶNG NGUYỄN TỪ DUY	02/07/1990	Nam	02.14		3	12.25	0	12.25	C480201
25	157	DTT008654	NGUYỄN ĐẶNG KIM NGỌC	23/09/1997	Nữ	49.12		2NT	16	1	17	C480201
26	167	DBL008015	LƯU ANH THẮNG	17/10/1997	Nam	60.01		2	14	0.5	14.5	C480201
27	179	HUI005307	ĐỖ MINH HOÀNG	24/08/1996	Nam	02.21		2	13.75	0.5	14.25	C480201
28	184	DTT004680	TRẦN LÊ HỮU HỘI	26/03/1997	Nam	47.06		2	15.5	0.5	16	C480201
29	186	DTT014730	NGUYỄN BẢO TOÀN	06/03/1997	Nam	47.02		2NT	12.5	1	13.5	C480201
30	189	HUI018929	VŨ ANH VĂN	31/07/1997	Nam	02.14		3	16.75	0	16.75	C480201
31	193	TDV009602	TRẦN VĂN HẬU	01/10/1997	Nam	30.05		2NT	13	1	14	C480201
32	195	TTG001680	ĐẶNG QUỐC CƯỜNG	20/07/1997	Nam	53.04		2NT	12.25	1	13.25	C480201
33	197	HUI002282	ĐỖ QUỐC DŨNG	07/09/1995	Nam	40.14		2	14.75	0.5	15.25	C480201
34	201	DCT010534	PHAN TẤN TÀI	02/01/1997	Nam	46.01		2	15.5	0.5	16	C480201

STT	Số HS	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	ĐT	KV	Tổng điểm thi	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Mã ngành trúng tuyển
35	204	HUI004175	LÊ HỮU HÀO	15/10/1996	Nam	02.21		2	15	0.5	15.5	C480201
36	208	SGD017602	LÊ HỒ HOÀNG VŨ	16/04/1997	Nam	02.10		3	12.25	0	12.25	C480201
37	2	SPS008564	VỎ MINH KHANG	04/04/1997	Nam	49.07		2NT	15.75	1	16.75	C510201
38	19	QGS018059	TẶNG HOÀNG THIÊN	01/09/1997	Nam	02.16		3	15.75	0	15.75	C510201
39	23	HUI014239	PHẠM VĂN THÀNH	04/10/1996	Nam	02.21		2	12.25	0.5	12.75	C510201
40	33	SPS023191	NGUYỄN MINH TRÍ	13/09/1997	Nam	49.10		2	12.25	0.5	12.75	C510201
41	35	TTG016638	NGUYỄN HUỲNH THI	21/12/1996	Nam	53.08		2NT	13	1	14	C510201
42	42	SGD012859	KHUU NGOC HOÀNG THÀNH	17/02/1997	Nam	02.19		3	15.25	0	15.25	C510201
43	53	TTG001112	TRẦN THANH BÌNH	30/04/1997	Nam	53.03		2NT	14.75	1	15.75	C510201
44	57	HUI017788	NGUYỄN THÀNH TRUNG	22/11/1996	Nam	02.21		2	12.75	0.5	13.25	C510201
45	58	QGS010187	NGUYỄN ĐĂNG LUÂN	30/09/1997	Nam	02.15		3	14.25	0	14.25	C510201
46	60	HUI011965	TRẦN XUÂN PHÚC	04/01/1996	Nam	02.13		3	14.25	0	14.25	C510201
47	62	HUI013840	PHẠM MINH TẤN	24/12/1997	Nam	02.21		2	13	0.5	13.5	C510201
48	63	SGD008025	PHAN NGUYỄN HOÀI NAM	23/03/1997	Nam	02.19		3	13.75	0	13.75	C510201
49	64	TTG000342	ĐỖ HOÀNG ANH	02/10/1997	Nam	53.03		2NT	12.75	1	13.75	C510201
50	66	YDS008031	NGUYỄN HOÀNG MINH	21/10/1996	Nam	02.05		3	14.75	0	14.75	C510201
51	73	TTG015557	DƯƠNG QUỐC THÁI	17/08/1997	Nam	56.01		2	18.75	0.5	19.25	C510201
52	75	TDL005676	NGUYỄN QUỐC HUY	28/06/1997	Nam	42.03		1	12.75	1.5	14.25	C510201
53	86	SPD008489	HỒ NGUYỄN NHỰT QUANG	29/06/1997	Nam	53.03		2NT	11.75	1	12.75	C510201
54	92	TAG016808	LÊ HỮU TỈNH	29/08/1997	Nam	51.02		2	13	0.5	13.5	C510201

STT	Số HS	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	ĐT	KV	Tổng điểm thi	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Mã ngành trúng tuyển
55	94	TDL017256	VŨ ĐỨC TU	28/02/1997	Nam	42.04		1	12	1.5	13.5	C510201
56	96	DQN004147	PHẠM VĂN ĐẠT	16/07/1997	Nam	35.04		2NT	13	1	14	C510201
57	99	DCT000756	NGUYỄN QUỐC BẢO	20/01/1997	Nam	46.05		2NT	12.5	1	13.5	C510201
58	105	TAG000695	NGUYỄN TRẦN BẢO ÂN	09/10/1997	Nam	54.05		2NT	12	1	13	C510201
59	107	HUI013203	HỒ PHÚ SĨ	18/04/1996	Nam	02.21		2	13.75	0.5	14.25	C510201
60	116	TTN016585	LÊ TRƯƠNG ĐỨC TÀI	02/05/1997	Nam	40.07		1	13.75	1.5	15.25	C510201
61	123	DQN021658	HÀ ĐỨC THỊNH	10/01/1997	Nam	37.06		2NT	13.25	1	14.25	C510201
62	132	SGD003519	HARUNASÊT	18/03/1997	Nam	02.08	06	3	15.5	1	16.5	C510201
63	137	DQN011572	VÕ TUẤN LINH	19/07/1997	Nam	35.07		1	13	1.5	14.5	C510201
64	139	SPK005995	NGUYỄN ĐÀO CAO KỲ	15/06/1996	Nam	48.07		1	14	1.5	15.5	C510201
65	141	DQN001496	PHẠM VĂN CHI	08/08/1996	Nam	37.06		1	12.25	1.5	13.75	C510201
66	142	DQN012112	ĐỒNG HỮU LUẬN	25/06/1997	Nam	37.11		2NT	11	1	12	C510201
67	146	HUI013763	ĐÀO DUY TÂN	10/11/1993	Nam	02.16		3	13.5	0	13.5	C510201
68	148	DHU017659	THÂN NGỌC PHƯỚC	25/04/1997	Nam	33.02		2NT	14	1	15	C510201
69	168	HUI017899	NGUYỄN HỮU TRƯỜNG	20/08/1995	Nam	02.13		3	16.25	0	16.25	C510201
70	173	SPK000593	VÕ LÊ QUỐC ANH	19/04/1997	Nam	02.12		3	15.5	0	15.5	C510201
71	181	DCT002587	LÊ PHƯỚC ĐÔNG	08/08/1997	Nam	46.01		2	11.5	0.5	12	C510201
72	185	DHU002084	NGUYỄN ĐÌNH CHÍNH	18/07/1997	Nam	32.07		2NT	15.5	1	16.5	C510201
73	188	HUI018287	NGUYỄN MINH TUẤN	15/07/1997	Nam	02.22		2	13.5	0.5	14	C510201
74	192	TTG016096	LÊ THANH THẢO	16/09/1997	Nam	53.08		2	15.25	0.5	15.75	C510201

STT	Số HS	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	ĐT	KV	Tổng điểm thi	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Mã ngành trúng tuyển
75	200	QGS007057	NGUYỄN HỒ MINH HUY	01/06/1997	Nam	02.06		3	16.5	0	16.5	C510201
76	202	DCT002120	LÊ THANH DƯƠNG	22/06/1997	Nam	46.05		2	13	0.5	13.5	C510201
77	203	DCT002795	NGUYỄN KHÁNH GIANG	25/09/1996	Nam	46.06		2	13.5	0.5	14	C510201
78	205	YDS010680	TÔ TRÚC THANH PHONG	08/10/1996	Nam	02.14	06	3	13.25	1	14.25	C510201
79	206	SPS014058	NGUYỄN TRÍ NHÂN	15/12/1997	Nam	52.02		1	13	1.5	14.5	C510201
80	207	SPS020249	TRẦN THANH THIÊN	18/11/1997	Nam	52.07		1	13	1.5	14.5	C510201
81	209	DTT009464	PHẠM TẤN NHIỀU	15/04/1997	Nam	02.23		2	14	0.5	14.5	C510201
82	212	YDS006654	PHẠM SƠN LÂM	13/10/1996	Nam	02.01		3	13	0	13	C510201
83	1	HUI004684	NGUYỄN MINH HIỀN	08/12/1995	Nam	02.22		2	12.25	0.5	12.75	C510205
84	3	SPD004189	TRẦN DUY KHÁNH	13/12/1996	Nam	50.01		2NT	11.25	1	12.25	C510205
85	4	TDL004196	LÊ CÔNG HẬU	22/11/1997	Nam	42.03		1	13	1.5	14.5	C510205
86	5	SPD006653	LÊ PHẠM THANH NHÃ	22/11/1997	Nữ	50.03		2NT	12.25	1	13.25	C510205
87	9	DVT000344	NGUYỄN CHUNG THIÊN ÂN	16/02/1997	Nam	57.07		2NT	15	1	16	C510205
88	11	SGD001004	NGUYỄN HỮU CẢNH	16/05/1997	Nam	35.11		3	15.5	0	15.5	C510205
89	12	DCT013483	PHẠM CAO TRÍ	25/04/1996	Nam	46.06		1	12.25	1.5	13.75	C510205
90	14	DTT002560	TRẦN TIẾN ĐẠT	01/05/1997	Nam	02.24		2	13.25	0.5	13.75	C510205
91	15	QGS017696	CAO VIỆT THẮNG	30/10/1997	Nam	02.11		3	13	0	13	C510205
92	16	DCT014688	NGUYỄN HOÀNG TƯỜNG	09/01/1996	Nam	46.01		1	13.25	1.5	14.75	C510205
93	17	DTT004152	HUỖNH LÊ TRUNG HIẾU	13/10/1997	Nam	02.24		2	11.75	0.5	12.25	C510205
94	26	SPK000841	PHAN QUỐC BẢO	24/03/1997	Nam	02.12		3	13.5	0	13.5	C510205

STT	Số HS	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	ĐT	KV	Tổng điểm thi	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Mã ngành trúng tuyển
95	49	QGS015986	ĐỖ KHÁNH SƠN	01/08/1997	Nam	02.14		3	12	0	12	C510205
96	50	SGD017573	NGÔ NĂNG VÕ	17/04/1997	Nam	02.19	06	3	14	1	15	C510205
97	51	HUI017272	TRẦN ĐỨC TRÍ	17/04/1997	Nam	02.13		3	12.75	0	12.75	C510205
98	52	HUI011784	PHẠM NGỌC PHÚ	23/08/1997	Nam	02.22		2	17.5	0.5	18	C510205
99	54	YDS003657	TÂN TRÍ HẢI	15/05/1997	Nam	02.05	06	3	12.75	1	13.75	C510205
100	56	QGS008996	NGUYỄN PHÚC QUANG LÂM	04/04/1997	Nam	02.13		3	13	0	13	C510205
101	61	SGD017587	ĐỖ HOÀN VŨ	14/10/1997	Nam	02.04		3	13.5	0	13.5	C510205
102	65	SPK001948	LÊ NGUYỄN KHÁNH DUY	10/08/1996	Nam	02.13		3	14	0	14	C510205
103	68	HUI008960	NGUYỄN VĂN MINH	23/01/1997	Nam	02.12		3	13.25	0	13.25	C510205
104	69	HUI008518	BÙI THƯỢNG LƯU	10/10/1997	Nam	02.21		2	13.5	0.5	14	C510205
105	71	SPK013593	TRẦN QUỐC TIẾN	16/03/1997	Nam	02.12		3	14.25	0	14.25	C510205
106	74	SGD004017	LÊ VŨ HIỆP	15/01/1997	Nam	49.06		1	13	1.5	14.5	C510205
107	76	SPD000777	NGUYỄN BẢO CHÂU	24/02/1997	Nam	49.09		2NT	12.5	1	13.5	C510205
108	77	TAG003936	NGÔ HỒNG HẠNH	10/06/1997	Nam	51.05		2NT	13.25	1	14.25	C510205
109	81	DTT003798	NGÔ VĂN HẬU	19/11/1994	Nam	47.02		2NT	13	1	14	C510205
110	82	DTT006202	PHẠM NGỌC LAI	22/02/1996	Nam	47.02		1	11.5	1.5	13	C510205
111	87	QGS022009	PHẠM THANH TUẤN	13/02/1997	Nam	02.04		3	13	0	13	C510205
112	89	YDS005284	NGUYỄN THÁI HOÀNG HUY	22/05/1997	Nam	56.02		3	16.5	0	16.5	C510205
113	90	HUI001723	LÊ ANH CÔNG	12/10/1997	Nam	43.10		1	15.75	1.5	17.25	C510205
114	100	HUI004817	NGUYỄN TRỌNG HIỀN	10/07/1996	Nam	02.21		2	14.5	0.5	15	C510205

STT	Số HS	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	ĐT	KV	Tổng điểm thi	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Mã ngành trúng tuyển
115	101	HUI011683	PHAN THANH PHONG	26/08/1997	Nam	02.21		2	12.5	0.5	13	C510205
116	106	HUI008156	LÊ HOÀNG LONG	04/08/1997	Nam	02.21		2	16.25	0.5	16.75	C510205
117	108	DQN021070	HUỖNH ĐÌNH THẮNG	10/01/1997	Nam	37.10		2	12.75	0.5	13.25	C510205
118	109	TDL010940	NGUYỄN NGỌC PHÚ	27/11/1997	Nam	42.03		1	12.25	1.5	13.75	C510205
119	113	DQN017887	NGUYỄN XUÂN QUANG	02/11/1997	Nam	37.05		2NT	13	1	14	C510205
120	119	SPK002597	TRẦN TIẾN ĐẠT	15/07/1997	Nam	02.12		3	14.75	0	14.75	C510205
121	124	DQN023881	CAO TRUNG TÍN	05/11/1997	Nam	37.01		1	11	1.5	12.5	C510205
122	125	TDL010964	VUU THIÊN PHÚ	01/01/1997	Nam	45.01		2	12.5	0.5	13	C510205
123	126	DQN009943	TRƯỜNG DUY KHƯỜNG	17/03/1996	Nam	37.06		1	13	1.5	14.5	C510205
124	129	DTT004154	HUỖNH NGỌC HIẾU	04/04/1997	Nam	49.13		2NT	14.5	1	15.5	C510205
125	135	HUI009395	TRƯỜNG NGỌC PHƯƠNG NAM	28/12/1997	Nam	43.03		2NT	12	1	13	C510205
126	136	HUI018771	TRẦN PHỦ DƯƠNG TƯỜNG	16/07/1996	Nam	02.22		2	12.5	0.5	13	C510205
127	143	NLS001116	NGUYỄN CÔNG	28/06/1997	Nam	38.13		1	10.5	1.5	12	C510205
128	145	NLS000577	TRƯỜNG QUỐC BẢO	27/06/1997	Nam	38.01		1	13.75	1.5	15.25	C510205
129	147	HUI002869	NGUYỄN THANH DƯƠNG	04/03/1997	Nam	02.21		2	14.5	0.5	15	C510205
130	149	HUI015874	TRẦN TRỌNG THỨC	05/11/1995	Nam	02.16		3	13.5	0	13.5	C510205
131	151	DTT004036	LÊ NGUYỄN THỂ HIỂN	01/10/1997	Nam	47.07		1	14.5	1.5	16	C510205
132	159	SGD010174	VÕ VĂN OAY	10/12/1996	Nam	02.19		3	15	0	15	C510205
133	162	DCT011972	NGUYỄN THANH THỦ	06/04/1997	Nam	46.07		2NT	13	1	14	C510205
134	164	HUI016490	TRẦN MINH TOÀN	22/02/1997	Nam	02.13		3	14	0	14	C510205

STT	Số HS	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	ĐT	KV	Tổng điểm thi	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Mã ngành trúng tuyển
135	165	TAG018772	MÃ THANH TÙNG	04/05/1997	Nam	51.01		2	13	0.5	13.5	C510205
136	170	SPS010711	NGUYỄN PHAN KIM LONG	26/11/1997	Nam	02.10		3	18	0	18	C510205
137	172	HUI010569	ĐOÀN CÔNG NHẬT	01/11/1997	Nam	43.07		1	10.75	1.5	12.25	C510205
138	175	DVT002629	LÊ MINH HÙNG	19/03/1997	Nam	57.05		2NT	13.75	1	14.75	C510205
139	176	SPK004517	TRẦN MINH HOÀNG	14/12/1997	Nam	02.12		3	15.25	0	15.25	C510205
140	178	DQN016923	HỒ ĐỨC PHÚ	24/01/1997	Nam	37.01		2	13	0.5	13.5	C510205
141	180	SPS002494	NGÔ MẠNH CƯỜNG	14/09/1997	Nam	02.14		3	15	0	15	C510205
142	183	DCT009826	TRẦN MINH QUÂN	08/03/1997	Nam	02.20		2	16	0.5	16.5	C510205
143	187	SPS018635	BÙI NHẬT TÂN	10/07/1997	Nam	02.10		3	14	0	14	C510205
144	190	SPK011305	PHẠM VĂN TÀI	01/12/1997	Nam	02.13		3	15.75	0	15.75	C510205
145	10	SPS019207	ĐẶNG VĂN THÀNH	20/12/1997	Nam	02.04		3	12	0	12	C510206
146	31	DCT003720	MAI TRỌNG HIẾU	08/01/1996	Nam	02.15		3	14.25	0	14.25	C510206
147	45	YDS000348	NGÔ THẾ ANH	18/10/1997	Nam	02.19		3	13.75	0	13.75	C510206
148	70	DQN010260	ĐỖ QUỐC KỲ	02/11/1997	Nam	35.02		1	13.5	1.5	15	C510206
149	117	DQN026691	NGUYỄN ANH TUẤN	30/01/1997	Nam	37.10		2	11.75	0.5	12.25	C510206
150	130	DQN020030	NGUYỄN DIÊN THẠCH	20/03/1997	Nam	35.05		2NT	11.25	1	12.25	C510206
151	134	QGS009680	TRẦN NHẬT LINH	29/08/1996	Nam	64.02		3	13	0	13	C510206
152	144	DQN012088	NGUYỄN VĂN LUÂN	09/09/1997	Nam	37.04		1	13.75	1.5	15.25	C510206
153	154	HUI015199	LÊ MINH THÔNG	17/09/1997	Nam	02.13		3	14.5	0	14.5	C510206
154	166	HUI013139	TẠ THANH SANG	07/03/1997	Nam	43.07		1	15.5	1.5	17	C510206

STT	Số HS	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	ĐT	KV	Tổng điểm thi	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Mã ngành trúng tuyển
155	194	HUI016546	LÊ THANH TRẢI	12/01/1997	Nam	58.02		2	15.25	0.5	15.75	C510206
156	196	SGD001252	NGUYỄN MINH CHIẾN	17/01/1997	Nam	02.19		3	13	0	13	C510206
157	199	QGS017812	PHẠM NGUYỄN QUỐC THẮNG	27/03/1997	Nam	02.15		3	13.5	0	13.5	C510206
158	210	SGD014910	NGÔ MINH TÍN	29/05/1996	Nam	02.06		3	12.5	0	12.5	C510206
159	6	YDS010455	DIỆP ĐƯƠNG PHÁT	13/05/1997	Nam	02.19	06	3	14.75	1	15.75	C510301
160	7	DCT012762	ĐẶNG TRUNG TÍN	10/10/1997	Nam	02.20		2	11.5	0.5	12	C510301
161	29	HUI013176	VÕ PHƯỚC SANG	03/06/1996	Nam	02.22		2	12.25	0.5	12.75	C510301
162	30	SPS010611	ĐỖ NGỌC LONG	10/08/1997	Nam	02.15		3	14.75	0	14.75	C510301
163	34	QGS016254	HÀ SONG TÀI	12/07/1997	Nam	02.14		3	20.75	0	20.75	C510301
164	36	DTT013497	NGUYỄN ĐÌNH THỐNG	31/01/1997	Nam	49.12		2NT	11	1	12	C510301
165	40	DVT000426	TRẦN THẾ BẢO	20/03/1997	Nam	58.06		1	14.5	1.5	16	C510301
166	41	DTT002616	HUỲNH MINH ĐIỀN	10/09/1997	Nam	47.06		1	11.25	1.5	12.75	C510301
167	43	SPK002266	LÊ THÁI DƯƠNG	22/11/1997	Nam	02.12		3	14.75	0	14.75	C510301
168	55	TDL011141	PHẠM HỮU PHƯỚC	28/02/1997	Nam	45.04		1	13.5	1.5	15	C510301
169	59	QGS010763	NGÔ LÊ MINH	30/03/1996	Nam	02.16		3	13	0	13	C510301
170	67	SPS010686	NGUYỄN HOÀNG LONG	01/03/1997	Nam	52.07		1	10.5	1.5	12	C510301
171	78	TAG007109	NGUYỄN SỸ LIÊM	06/09/1997	Nam	54.05		2NT	13.75	1	14.75	C510301
172	93	DTT002271	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	20/09/1997	Nam	47.02		1	13	1.5	14.5	C510301
173	98	SGD012534	LƯU BÌNH TÂY	23/05/1997	Nam	49.06		2NT	12.5	1	13.5	C510301
174	110	SGD014715	TRẦN CẢNH TIÊN	17/02/1996	Nam	49.10		2NT	11.5	1	12.5	C510301

STT	Số HS	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	ĐT	KV	Tổng điểm thi	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Mã ngành trúng tuyển
175	111	DTT004902	TRẦN THỂ HÙNG	23/11/1997	Nam	47.01		2	14.75	0.5	15.25	C510301
176	114	TDV011919	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	11/10/1995	Nam	29.21		2NT	12.75	1	13.75	C510301
177	118	THP007403	VŨ XUÂN KHANG	21/12/1997	Nam	21.12		2NT	12.25	1	13.25	C510301
178	122	TSN017692	NGUYỄN CÔNG TRẠNG	20/05/1997	Nam	41.09		1	11.5	1.5	13	C510301
179	131	TTN002925	NGUYỄN BÁ DUY	09/10/1997	Nam	40.07		1	11.25	1.5	12.75	C510301
180	133	DCT006678	LÂM TUẤN MINH	13/08/1997	Nam	02.11	06	3	13.25	1	14.25	C510301
181	138	DQN019790	PHÙNG VĂN TÂM	01/01/1997	Nam	37.06		2NT	11.5	1	12.5	C510301
182	140	DTT012539	MAI VĂN THÀNH	08/12/1997	Nam	47.08		1	11.5	1.5	13	C510301
183	152	DQN015188	HỒ THANH NHẬT	10/11/1997	Nam	37.04		1	14	1.5	15.5	C510301
184	153	SPK003396	TỪ CHÍ HÀO	17/05/1996	Nam	02.12	06	3	15.5	1	16.5	C510301
185	156	HUI000019	ĐỖ LÊ HOÀI AN	03/08/1997	Nam	02.13		3	12.75	0	12.75	C510301
186	158	TDL014089	NGUYỄN ĐÌNH THOẠI	20/09/1997	Nam	42.09		1	12.5	1.5	14	C510301
187	160	TDL006239	NGUYỄN TRỌNG HỮU	28/01/1997	Nam	42.07		1	11.75	1.5	13.25	C510301
188	161	SPK004464	NGUYỄN THANH HOÀNG	20/02/1996	Nam	48.07		1	12.5	1.5	14	C510301
189	169	DTT003993	NGUYỄN VĂN HIỀN	27/01/1997	Nam	47.02		1	14.75	1.5	16.25	C510301
190	174	SPK015938	TỪ CHÍ VĨ	17/05/1996	Nam	02.12	06	3	16	1	17	C510301
191	182	DTT013223	LÊ CÔNG THIÊN	06/10/1996	Nam	47.01		2	12.25	0.5	12.75	C510301
192	198	HUI001833	LÊ HUY CƯỜNG	12/09/1997	Nam	02.22		2	12.75	0.5	13.25	C510301
193	213	SGD016019	LŨ NGỌC TRỌNG	08/01/1997	Nam	02.08		3	12.25	0	12.25	C510301
194	8	DVT008997	HUỖNH THỊ HUẾ TRÂN	01/01/1997	Nữ	58.03		1	11.5	1.5	13	C540204

STT	Số HS	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	ĐT	KV	Tổng điểm thi	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Mã ngành trúng tuyển
195	38	QGS014973	NGUYỄN THỊ PHUƠNG	05/12/1997	Nữ	43.09		3	12.5	0	12.5	C540204
196	95	DTT000430	TRƯỜNG NAM VIỆT ANH	10/08/1996	Nam	47.05		1	12	1.5	13.5	C540204
197	128	DQN011693	PHẠM THỊ ÁI LOAN	01/07/1996	Nữ	35.01		2NT	15	1	16	C540204
198	163	DTT005522	VÕ THỊ THU HƯƠNG	22/06/1997	Nữ	49.12		2NT	13	1	14	C540204
199	177	SPK006486	NGUYỄN THỊ THUỖ LINH	04/04/1997	Nữ	02.12		3	16.25	0	16.25	C540204
200	211	YDS008190	NGUYỄN HỮU ÁI MY	29/08/1996	Nữ	02.03		3	12	0	12	C540204

* Tổng cộng danh sách trúng tuyển: **200** thí sinh

PHÒNG TS - ĐÀO TẠO - GTVL

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tấn

**HIỆU TRƯỞNG
KIỂM CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**

(Đã ký)

Phạm Hữu Lộc